

Số: **1303** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **31** tháng **8** năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông khai trường năm thứ 6 thuộc địa bàn xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-STNMT ngày 25 tháng 8 năm 2020; ý kiến của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Thông báo số 173/TB-HĐTĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ – Đắk Nông khai trường năm thứ 6 thuộc xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp.

#### 1. Các thông tin về khu đất cần định giá

- Địa chỉ khu đất: Xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Khu đất có tứ cạnh tiếp giáp như sau:
  - + Phía Đông: Giáp đất sản xuất nông nghiệp của người dân.
  - + Phía Tây: Giáp đường đất thông 2 đầu (đường từ xã Kiên Thành đến xã Nghĩa Thắng).
  - + Phía Nam: Giáp khu khai thác mỏ Bauxit đợt 3 tại địa bàn xã Đắk Wer.



+ Phía Bắc: Giáp đất sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Phạm vi khu đất: Khu đất nằm tập trung tại thôn 13, xã Đắc Wer, gồm các thửa đất chạy dọc theo đường từ xã Kiên Thành đến xã Nghĩa Thắng, một phần là khu vực đất nông nghiệp đang sản xuất canh tác, còn lại là giáp ranh giới xã Nghĩa Thắng. Dự án được chia làm nhiều giai đoạn và được đo đạc, lập mảnh trích đo địa chính theo từng đợt khác nhau. Trong đó, khu vực cần xác định giá thuộc khai trường năm thứ 6 tại xã Đắc Wer, đo đạc năm 2020 gồm 03 tờ bản đồ là 65, 66, 67.

- Tổng diện tích cần xác định giá: 461.092,6 m<sup>2</sup>/64 thửa. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khoảng: 460.228,9 m<sup>2</sup>/50 thửa.

+ Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khoảng: 362,6 m<sup>2</sup>/07 thửa.

+ Đất nuôi trồng thủy sản khoảng: 301,1 m<sup>2</sup>/06 thửa.

+ Đất ở nông thôn khoảng: 200 m<sup>2</sup>/01 thửa.

## 2. Giá đất cụ thể như sau

| ST<br>T   | Địa điểm   | Loại<br>đất | Đơn giá theo Quyết<br>định số 08/2020/QĐ-<br>UBND<br>(đồng/m <sup>2</sup> ) | Giá đất cụ thể<br>(đồng/m <sup>2</sup> ) | Hệ số<br>điều<br>chỉnh để<br>tính bồi<br>thường |
|-----------|--|-------------|---|--|---|
| <b>I</b>  | <b>Đất ở tiếp giáp đường đất thông 2 đầu (từ thửa đất số 103 thuộc tờ bản đồ số 65 đến hết thửa đất số 73 thuộc tờ bản đồ số 67)</b>   |             |   |  |   |
| -         | Thôn 13, xã Đắc Wer  | ONT         | 300.000   | 440.000                                  | 1,47  |
| <b>II</b> | <b>Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm</b>   |             |   |  |   |
| 1         | Không tiếp giáp đường (bao gồm các thửa đất số 16, 17, 46, 41 thuộc tờ bản đồ số 65).  |             |   |  |   |
| -         | Thôn 13, xã Đắc Wer  | CLN         | 22.000  | 27.000                                   | 1,23  |
| 2         | Tiếp giáp đường đất thông 2 đầu nhóm 1 (từ thửa đất số 103 thuộc tờ bản đồ số 65 đến hết thửa đất số 73 thuộc tờ bản đồ số 67; các thửa đất số 95, 99, 104 tờ bản đồ số 65 nằm ngoài ranh thu hồi và không đủ điều kiện tách thửa, canh tác) |             |   |  |   |
| -         | Từ 0 mét đến mét thứ 30  | CLN         | 22.000  | 76.000                                   | 3,45  |
| -         | Từ mét thứ 30 trở đi   |             |   | 27.000                                   | 1,23  |
| 3         | Tiếp giáp đường đất thông 2 đầu nhóm 2 (bao gồm thửa đất số: 101 tờ bản đồ số 65; 29 tờ bản đồ số 66; 03 tờ bản đồ số 67)  |             |   |  |   |
| -         | Từ 0 mét đến mét thứ 30  | CLN         | 22.000  | 69.000                                   | 3,14  |
| -         | Từ mét thứ 30 trở đi   |             |   | 27.000                                   | 1,23  |

| ST T | Địa điểm   | Loại đất | Đơn giá theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND (đồng/m <sup>2</sup> ) | Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> ) | Hệ số điều chỉnh để tính bồi thường |
|------|--|----------|---|---------------------------------------|-------------------------------------|
| 4    | Tiếp giáp đường bê tông (bao gồm các thửa đất số: 44, 40, 36, 34, 33, 49, 54, 55, 50, 62, 59, 60, 61, 71, 77, 80, 84 thuộc tờ bản đồ số 65; thửa đất số 31, 66 tờ bản đồ số 65 nằm ngoài ranh thu hồi và không đủ điều kiện tách thửa, canh tác) |          |   |                                       |                                     |
| -    | Từ 0 mét đến mét thứ 30  | CLN      | 22.000  | 73.000                                | 3,32                                |
| -    | Từ mét thứ 30 trở đi   |          |   | 27.000                                | 1,23                                |
| 5    | Tiếp giáp đường đất cụt (bao gồm: các thửa đất số 48, 88, 89 thuộc tờ BĐ số 65; 18, 17, 26 thuộc tờ BĐ số 66)  |          |   |                                       |                                     |
| -    | Từ 0 mét đến mét thứ 30  | CLN      | 22.000  | 65.000                                | 2,95                                |
| -    | Từ mét thứ 30 trở đi   |          |   | 27.000                                | 1,23                                |
| III  | <b>Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (bao gồm: các thửa đất số 23, 25 tờ bản đồ số 65; 8, 10 tờ BĐ số 66; 74, 69, 33 tờ BĐ số 67; thửa đất số 21 tờ bản đồ số 65 nằm ngoài ranh thu hồi và không đủ điều kiện tách thửa, canh tác)</b>          |          |   |                                       |                                     |
| -    | Thôn 13, xã Đăk Wer  | NHK      | 19.000  | 23.000                                | 1,21                                |
| IV   | <b>Đất nuôi trồng thủy sản (bao gồm: các thửa đất số 100, 94, 74, 24 tờ bản đồ số 65; 9 tờ bản đồ số 66; 72 tờ bản đồ số 67; thửa đất số 22 tờ bản đồ số 65 nằm ngoài ranh thu hồi và không đủ điều kiện tách thửa, canh tác)</b>                |          |   |                                       |                                     |
| -    | Thôn 13, xã Đăk Wer  | NTS      | 13.000  | 16.500                                | 1,27                                |

\* **Ghi chú:** Đối với giá đất ở, áp dụng theo hệ số chiều sâu của thửa đất như sau:

- Từ 0 mét đến mét thứ 30: Áp dụng hệ số 1,0.
- Từ trên mét thứ 30 đến mét thứ 50: Áp dụng hệ số 0,7.
- Từ trên mét thứ 50 trở đi: Áp dụng hệ số 0,5.

## **Điều 2.**

1. Giao UBND huyện Đăk R'láp căn cứ vị trí thửa đất thu hồi của dự án, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. UBND huyện Đăk R'láp; Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về giá đất cụ thể được quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk R'lấp; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nr*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐĐT, KTTH, KTN(n).

3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**

